

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 05/2021/ HNGĐ - ST

Ngày: 29 – 4- 2021

V/v: “*Xin ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Quý

2. Bà Nguyễn Thị Trung Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021. Tại Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2020 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐST - HNGĐ ngày 08/4/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lương Thị B, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: TDP C, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Có mặt”.

* Bị đơn: Anh Sầm Văn B1, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: TDP C, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “ Có đơn xin vắng”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2020 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai chị Lương Thị B trình bày:

Ngày 20/3/2012 chị Lương Thị B và anh Sầm Văn B1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị không hạnh phúc nên Từng xuyên xẩy ra sung đột, cãi vã, chị B cố gắng nhường nhịn để giữ gìn hạnh phúc gia đình, Hiện tại, chị B nhận thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh B1 nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sầm Văn B1.

Về con chung: Chị B và anh B1 có 01 con chung là Sầm Ngọc Anh T – Sinh ngày 27/01/2012, chị B đồng ý giao con cho anh B1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị B1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị B1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh B trình bày ý kiến tại bản tự khai như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B1 thừa nhận lời trình bày của chị B là đúng về việc đăng ký kết hôn và hôn nhân vợ chồng, tuy nhiên anh B1 không đồng ý ly hôn với chị B.

Về con chung: Chị B và anh B1 có 01 con chung là Sầm Ngọc Anh T – Sinh ngày 27/01/2012. Khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh B1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

*Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn đối với anh B1 như trong đơn ly hôn ngày 16/11/2020, về con chung chị đồng ý giao con cho anh B1 trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000. 000 đồng. Bên cạnh đó, tại phiên tòa anh B1 vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung không đồng ý ly hôn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án như sau:

+ Thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị B. Về quan hệ hôn nhân: Chị B được ly hôn với anh B1 vì tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Về con chung: Giao con chung là Sầm Ngọc Anh T – Sinh ngày 27/01/2012 cho anh B1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng; Tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết; Án phí: Chị B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kiến nghị của các đương sự và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị B có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với anh Sầm Văn B1, trú tại TDP C, TT Đ, huyện Đ. Đây là vụ kiện tranh chấp “ Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Sầm Văn B1 đã có đơn xin vắng nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên xét xử vắng mặt anh B1 là phù hợp.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh B1 có quan hệ hôn nhân hợp pháp đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chị B không hợp tính tình Tồng xảy ra mâu thuẫn, chị B đã cố gắng nhường nhịn để giữ hạnh phúc gia đình nhưng không thành, Tòa án đã động viên chị B suy nghĩ để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh B1 nhằm tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ, cùng nuôi dạy con chung. Ý kiến anh B1 không đồng ý ly hôn với chị B1 tuy nhiên anh không đưa ra lý do cũng như hành động nhằm níu kéo hạnh phúc. Tại phiên tòa, anh B1 có đơn xin xét xử vắng mặt và nội dung kèm theo đơn là không đồng ý ly hôn, mặt khác anh không có hành động nào

nhằm níu kéo cuộc sống hôn nhân cho thấy anh B1 đã bỏ mặc cho hôn nhân. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng chị B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B là phù hợp với khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị B và anh B1 có 01 con chung là Sầm Ngọc Anh T – Sinh ngày 27/01/2012. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị B đồng ý giao con cho anh B1 nuôi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi vợ chồng chị B sinh sống, nhận thấy vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn tuy nhiên mâu thuẫn cụ thể ra sao thì địa phương không nắm rõ, về phần con chung là Sầm Ngọc Anh T hiện đang sinh sống với anh B1 và học tập tại thị trấn Đ, huyện Đ. Do vậy, nhằm đảm bảo sự ổn định và các điều kiện phát triển về mọi mặt cho con chung do vậy cần giao con cho anh B1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Tại phiên tòa, chị B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng, nhận thấy việc chị B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và hợp pháp do vậy Hội đồng xét xử thấy cần ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng của chị B là phù hợp.

Về tài sản chung: Chị B và anh B1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung: Vợ chồng chị B không nợ ai.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[3] Án phí: Chị B phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 150, khoản 1 Điều 228, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lương Thị B đề ngày 16/11/2020.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị B được ly hôn với anh Sầm Văn B1.

2.Về con chung: Giao con là Sầm Ngọc Anh T – Sinh ngày 27/01/2012 cho anh B1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

(Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình).

3.Về án phí: Chị B phải nộp 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0010015 ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo nội dung bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Thi hành án;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Trung Lan Nguyễn Thị Kim Quý Nguyễn Thị Mỹ Điểm